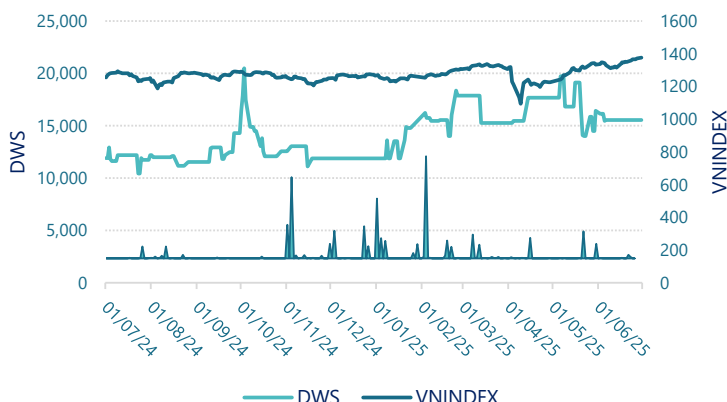


CTCP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp (UPCOM: DWS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,485
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,434
SL cổ phiếu LH	25,918,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)	215
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	417
P/E	8.5
EPS	1,890

DT thuần

Q2/25

124

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.2 | 31.2%

YoY: ▲ 2.00 | 1.9%

LN sau thuế

Q2/25

17.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.9 | 276%

YoY: ▲ 2.00 | 12.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

17.0%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần

6T 2025

219

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.0 | -5.1%

LN sau thuế

6T 2025

22.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.40 | -2.0%

ROE

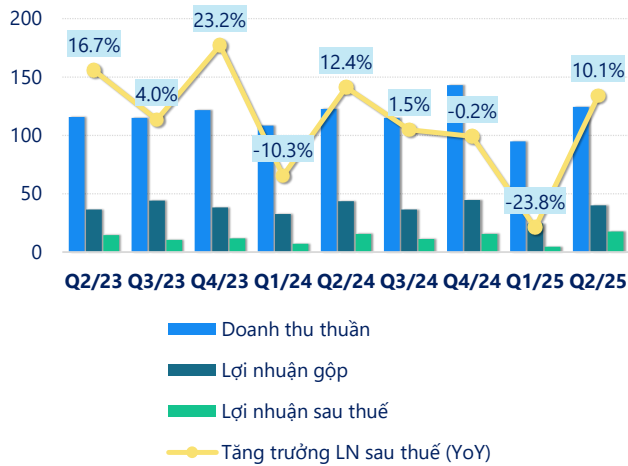
Q2/25

14.0%

+/- YoY: ▲ 0.7%

tỷ VNĐ

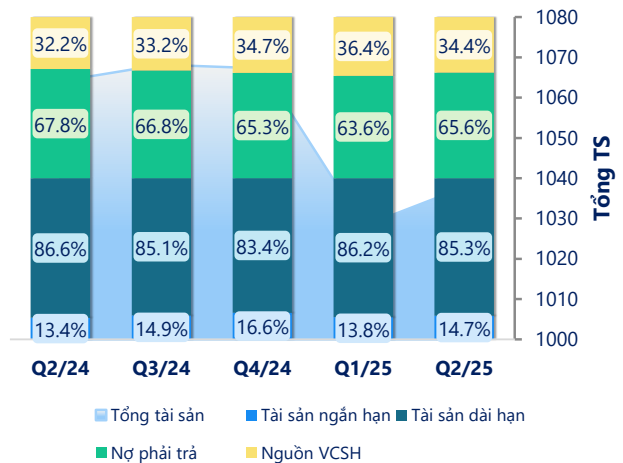
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

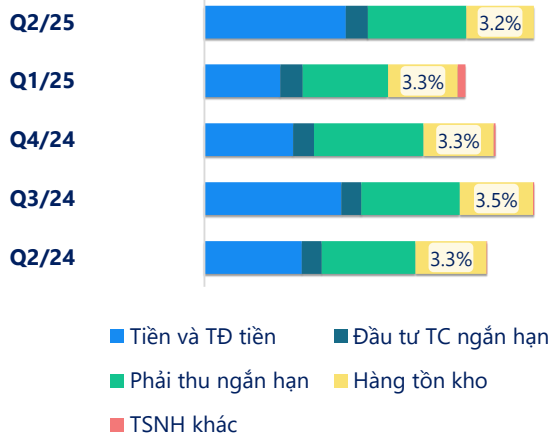
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



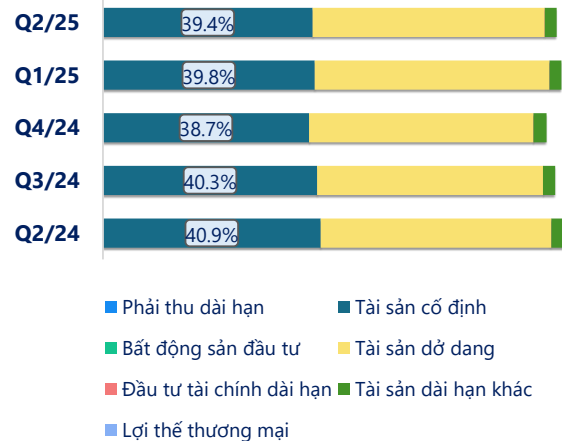
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

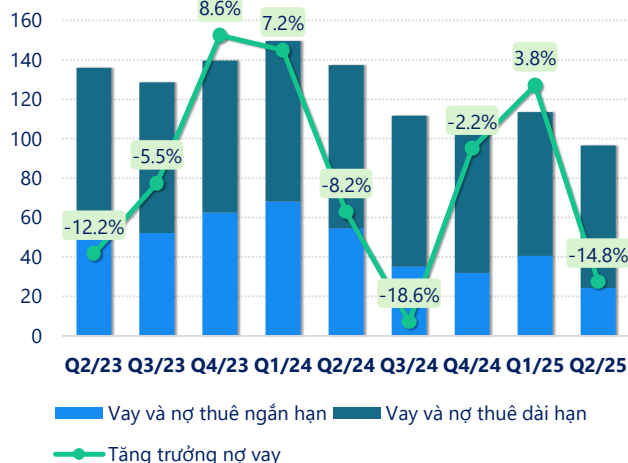
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

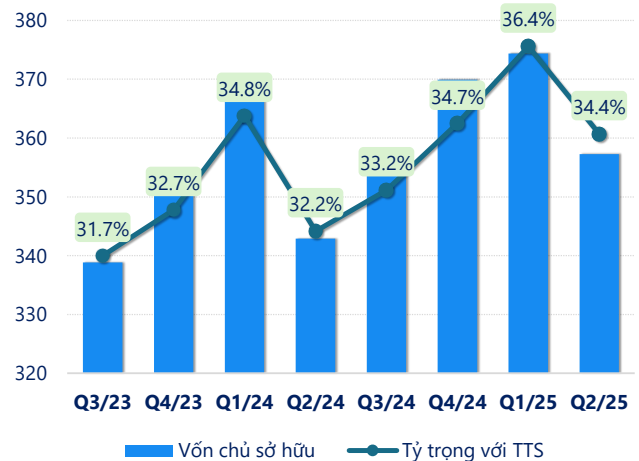
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

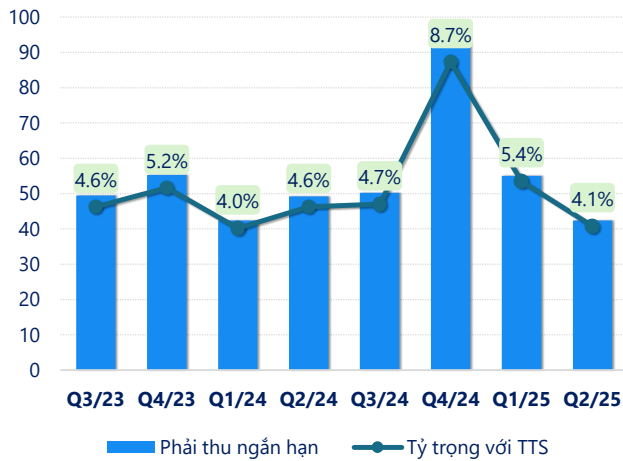
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



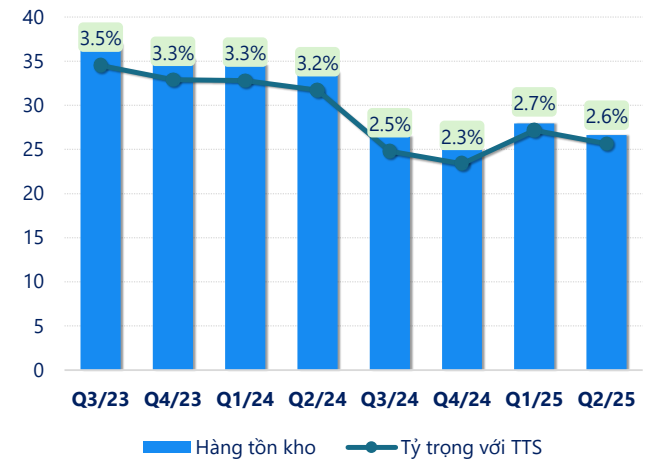
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


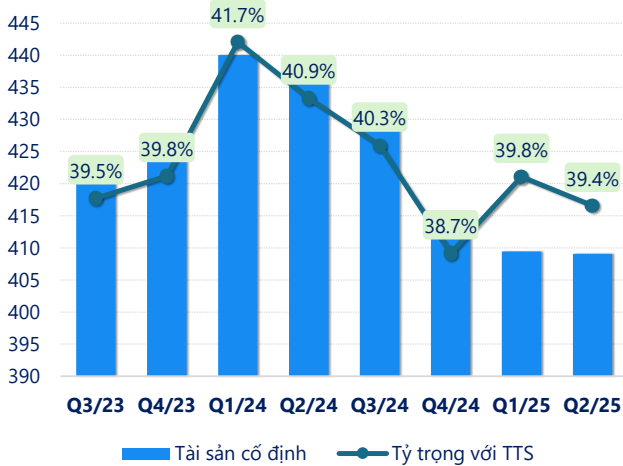
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


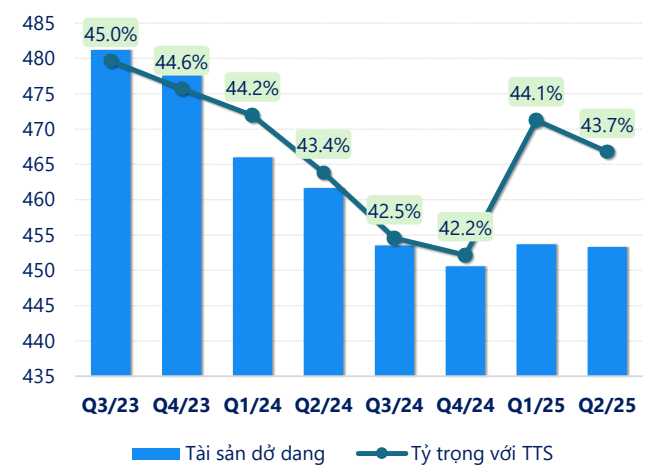
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

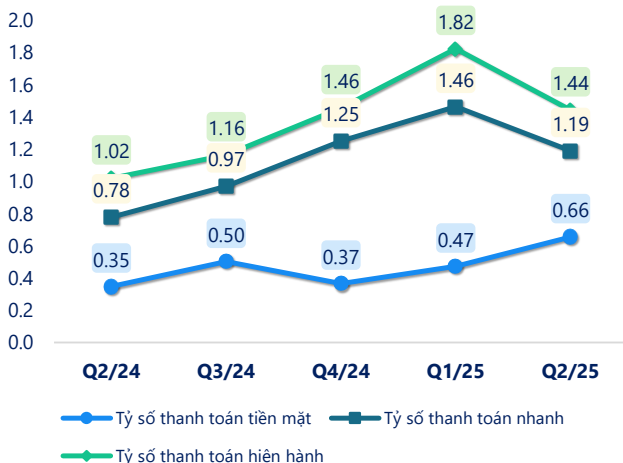
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,064	1,068	1,067	1,028	1,038
Tài sản ngắn hạn	143	160	177	142	152
Tiền và tương đương tiền	48.7	68.8	44.5	36.7	69.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	14.0	14.0	14.0	14.0
Phải thu ngắn hạn	49.2	50.2	93.1	55.0	42.3
Hàng tồn kho	33.8	26.5	24.9	27.9	26.6
Tài sản ngắn hạn khác	-0.13	0.11	0.15	8.01	0.05
Tài sản dài hạn	922	909	891	886	886
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	436	430	413	409	409
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	462	453	451	454	453
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản dài hạn khác	24.2	24.8	26.4	23.2	23.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	721	714	697	654	680
Nợ ngắn hạn	140	137	121	77.7	105
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.6	35.2	32.0	40.6	24.2
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	7.11	13.9	13.4	9.72
Nợ dài hạn	581	577	576	576	575
Vay và nợ thuê dài hạn	82.7	76.6	77.3	72.9	72.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	343	354	370	374	357
Vốn chủ sở hữu	343	354	370	374	357
Vốn điều lệ	259	259	259	259	259
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)